Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 14.07.2019 14:06:01 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1476 /KH-UBND	*Tây Ninh, ngày 11 tháng 7 năm 2019*

KẾ HOẠCH
Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL) cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và CBQL ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục mầm non góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Giai đoạn 2019 - 2020

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non:

+ Đào tạo nâng cao trình độ, bảo đảm ít nhất 75% giáo viên mầm non đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên; đào tạo bổ sung, thay thế số giáo viên nghỉ hưu, số giáo viên tăng thêm theo tỷ lệ huy động trẻ và số giáo viên còn thiếu hiện nay (*phụ lục 3, phụ lục 4 và phụ lục 7 đính kèm*);

+ Phấn đấu 100% giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non cốt cán được bồi dưỡng năng lực hỗ trợ đồng nghiệp tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, liên tục, ngay tại trường, năng lực tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; 100% giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non được bồi dưỡng nâng cao năng lực tương ứng theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, chuẩn hiệu trưởng *(phụ lục 5 và phụ lục 8 đính kèm).*

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và CBQL giáo dục ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL (bao gồm các trường, khoa, tổ bộ môn ngành sư phạm mầm non):

+ Phấn đấu 100% giảng viên và CBQL giáo dục được đào tạo đạt chuẩn về trình độ theo quy định (*phụ lục 6 đính kèm*).

+ Phấn đấu 100% giảng viên và CBQL giáo dục được bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, quản lý, năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin (*phụ lục 4 đính kèm).*

- Phấn đấu 100% nhà giáo và CBQL giáo dục mầm non được bồi dưỡng, cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trước khi được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng (*phụ lục 4 đính kèm*).

- Phấn đấu 100% nhà giáo và CBQL giáo dục mầm non được bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục trước khi được bổ nhiệm làm CBQL giáo dục *(phụ lục 5 đính kèm*).

b. Giai đoạn 2021 - 2025

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non:

+ Đào tạo nâng cao trình độ, bảo đảm ít nhất 90% giáo viên mầm non đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 85% giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên; đào tạo bổ sung, thay thế đủ số giáo viên mầm non nghỉ hưu, số giáo viên tăng thêm theo tỷ lệ huy động trẻ *(phụ lục 4, phụ lục 5 và phụ lục 7 đính kèm);*

+ Phấn đấu 100% giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non cốt cán được bồi dưỡng năng lực hỗ trợ đồng nghiệp tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, liên tục, ngay tại trường *(phụ lục 8 đính kèm*); từng bước tiếp cận với trình độ của giáo viên các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN; 100% giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non được bồi dưỡng nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non mới, chuẩn hiệu trưởng mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và CBQL giáo dục ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL:

+ Phấn đấu 100% giảng viên và CBQL giáo dục được đào tạo đạt chuẩn về trình độ, trong đó 40% giảng viên và CBQL đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành, 8% giảng viên cao đẳng đạt trình độ tiến sĩ (*phụ lục 7 đính kèm)*;

+ Bảo đảm 100% giảng viên và CBQL giáo dục được bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, quản lý, năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin (*phụ lục 4 đính kèm*).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới công tác truyền thông, công tác quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non để tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong ngành và xã hội;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non theo chuẩn nghề nghiệp; sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng phục vụ việc tự học, tự bồi dưỡng của nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non;

- Thực hiện các chuẩn, tiêu chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong hệ thống giáo dục mầm non; cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

- Rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

2. Nâng cao năng lực các trường, khoa sư phạm đào tạo giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho các giảng viên, CBQL các khoa, tổ bộ môn giáo dục mầm non.

- Lựa chọn và cử những giảng viên sư phạm có đủ năng lực, trình độ tham gia trao đổi khoa học, học tập và giảng dạy ở các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trong khu vực và thế giới.

- Đào tạo chuẩn hóa trình độ cho giảng viên sư phạm theo quy định, theo quy hoạch phù hợp với nguồn đào tạo, chuyên ngành đào tạo.

- Hỗ trợ tổ chức, xây dựng mạng lưới liên kết các trường mầm non thực hành của cơ sở đào tạo.

3. Đổi mới công tác đào tạo giáo viên mầm non, nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non

- Đổi mới chương trình và giáo trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non và CBQL cơ sở giáo dục mầm non (trong đó chú trọng nội dung đào tạo, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành các quy định đạo đức nhà giáo, phương pháp rèn luyện và xây dựng phong cách nhà giáo) phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và xu thế hội nhập quốc tế. Tham khảo chương trình, giáo trình đào tạo giáo viên trong khu vực và quốc tế để xây dựng chương trình và giáo trình đào tạo giáo viên mầm non.

- Đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp bồi dưỡng theo hướng phát huy tính tích cực, tăng cường tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng và phát triển nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non. Trong đó, chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non để phù hợp với thực tiễn tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Đa dạng hóa hình thức học tập như: trực tiếp, trực tuyến (e-learning) trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non; đồng thời khuyến khích giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non tăng cường thực hành trải nghiệm tại trường mầm non trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

- Đổi mới đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với chuẩn đầu ra và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của giáo viên mầm non và CBQL cơ sở giáo dục mầm non theo chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường, khoa sư phạm, tăng cường liên kết trong đào tạo và nghiên cứu khoa học; chú trọng các đề tài nghiên cứu về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giáo dục mầm non; phát triển, phổ biến, chia sẻ tri thức mới và các kinh nghiệm tiên tiến từ kết quả tổng kết, nhân rộng các điển hình trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non cốt cán và chuyên gia đầu ngành dựa trên tiếp cận mới về chức năng, nhiệm vụ và nâng cao năng lực của đội ngũ này về khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác, sử dụng thiết bị công nghệ trong tổ chức và quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em và bồi dưỡng đồng nghiệp.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa và hội nhập quốc tế công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non

- Huy động các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non;

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, nhất là tự chủ về tài chính trong phát triển hệ thống trường mầm non thực hành; hình thành mạng lưới liên kết trường mầm non thực hành sư phạm để sinh viên thực tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm;

- Xây dựng và phát triển các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non:

+ Tham gia các chương trình trao đổi, giao lưu sinh viên, giảng viên sư phạm, giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non với các nước trong khu vực và thế giới;

+ Tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan học tập, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm cho giảng viên sư phạm, giáo viên và CBQL cốt cán cơ sở giáo dục mầm non;

+ Hợp tác xây dựng các dự án, chương trình hỗ trợ bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về quản trị trường mầm non và phát triển chương trình giáo dục trường mầm non.

- Kết nối, tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về giáo dục trong khu vực và thế giới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về khoa học giáo dục và giáo dục mầm non; tham gia các hội thảo về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non do Bộ GDĐT tổ chức; tham

gia hội thảo, hội nghị quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí hàng năm cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chi cho công tác đổi mới đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non; chọn cử giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục đi đào tạo; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục theo kế hoạch được duyệt; xây dựng đội ngũ cốt cán tại địa phương để hỗ trợ và tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng giáo viên theo kế hoạch và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn theo dõi, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc tỉnh, huyện thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và yêu cầu, tiến độ quy định.

- Chỉ đạo Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh tổ chức đào tạo giáo viên để bổ sung, thay thế số giáo viên nghỉ hưu, số giáo viên tăng thêm do tăng quy mô ở cấp mầm non.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non; đào tạo sau đại học theo quy hoạch.

3. Sở Tài chính

Căn cứ vào kế hoạch đã được phê duyệt và khả năng ngân sách tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định.

Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch Đầu tư

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

5. UBND các huyện, thành phố

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố; đảm bảo kinh phí để thực hiện công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng CBQL, giáo viên mầm non của địa phương theo phân cấp ngân sách.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Đề nghị lãnh đạo các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thực hiện các nội dung được quy định tại kế hoạch này. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành có liên quan và UBND huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TP;
- PCVP Nhung;
- VHXH;
- Lưu VT. VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

(KH dao tạo bồi dưỡng nhà giáo và và CBQL giáo dục trên địa bàn tỉnh TN)Sang.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 1

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN GIÁO DỤC MẦM NON VÀ KHOA MẦM NON VÀ KHOA MẦM NON TRƯỜNG CĐSP TÂY NINH

Tính đến: tháng 02/2019

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1196/KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	Mầm non			Khoa MN Trường CĐSP		
		Cộng	CBQL	Giáo viên	Cộng	CBQL	Giảng viên
1	**Trình độ chuyên môn**	**1936**	**252**	**1684**	6	2	4
	Tiến sĩ	0	0	0			
	Thạc sĩ	5	5	0		2	3
	Đại học	1022	218	804			1
	Cao đẳng	428	24	404			
	Trung cấp	481	5	476			
	Sơ cấp	0	0	0			
2	**Trình độ ngoại ngữ**		**214**	**1531**	6	2	4
	Chứng chỉ A	501	68	433			1
	Chứng chỉ B	1193	137	1056			
	Chứng chỉ C	2	0	2			
	Chứng chỉ năng lực A1	3	0	3			
	Chứng chỉ năng lực A2	31	0	31			
	Chứng chỉ năng lực B1	15	9	6		2	3
	Chứng chỉ năng lực B2	0	0	0			
	Chứng chỉ năng lực C1	0	0	0			
3	**Trình độ tin học**	**1772**	**244**	**1528**	6	2	4
	Chứng chỉ A	1297	189	1108		1	4
	Chứng chỉ B	449	54	395		1	
	Chứng chỉ C	0	0	0			
	Chứng chỉ tin học cơ bản	25	1	24			
	Chứng chỉ tin học nâng cao	1	0	1			
4	**Chứng chỉ quản lý giáo dục**	187	**170**	**17**			
5	**Chứng chỉ bồi dưỡng hạng viên chức**	65	**19**	**46**			
6	**Chứng chỉ quản lý nhà nước**	116	**88**	**28**			
7	**Trung cấp lí luận chính trị**	204	**172**	**32**		2	
8	**Cao cấp lí luận chính trị**	0	**0**	**0**			
9	**Giáo viên đã xếp hạng viên chức**	1858	**244**	**1614**			
	Hạng I	0	0	0			
	Hạng II	357	122	235			
	Hạng III	605	90	515			
	Hạng IV	896	32	864			

10	**Giáo viên chưa xếp hạng viên chức**	50	**3**	**47**			
11	**Số lượng giáo viên cốt cán**	193	**33**	**160**			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 2

TỔNG HỢP NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÀ GIÁO VÀ CBQL MẦM NON GIAI ĐOẠN 2019-2025

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1176/KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Năm	Số viên chức nghỉ hưu (để bổ sung)	Đào tạo lý luận chính trị		Quản lý nhà nước	Đào tạo chuyên môn để đạt tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp					Chứng chỉ ngoại ngữ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp			Chứng chỉ tin học theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp		Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số	Chứng chỉ quản lý giáo dục	Chứng chỉ bồi dưỡng hạng viên chức	Giáo viên cốt cán
		Trung cấp	Cao cấp		TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	A1	A2	B1	Cơ bản	Nâng cao				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
Cấp học Mầm non																		
2019	27	30	0	32	0	3	66	54	3	33	89	13	91	8	3	69	387	92
2020	30	52	0	42	0	6	62	54	0	19	70	7	65	51	2	41	246	77
Cộng 19-20	***57***	***82***	***0***	***74***	***0***	***9***	***128***	***108***	***3***	***52***	***159***	***20***	***156***	***59***	***5***	***110***	***633***	***169***
2021	29	35	0	30	0	4	54	49	2	18	87	6	43	7	2	21	204	80
2022	24	30	0	23	0	3	42	17	2	13	16	3	31	7	2	24	99	77
2023	38	25	0	22	0	4	36	16	2	20	21	6	33	7	2	23	72	76
2024	36	21	0	16	0	3	36	20	3	11	17	4	28	6	2	19	47	78
2025	45	23	1	16	0	3	41	20	4	24	19	4	46	6	3	21	45	76
Tổng 19-25	**229**	**216**	**1**	**181**	**0**	**26**	**337**	**230**	**16**	**138**	**319**	**43**	**337**	**92**	**16**	**218**	**1100**	**556**
Trường CĐSP																		
2019	1				1	1							5			1		
2020																		
Cộng 19-20	***1***	***0***	***0***	***0***	***1***	***1***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***5***	***0***	***0***	***1***	***0***	***0***
2021																		
2022																		
2023																		
2024																		
2025																		
Tổng 19-25	**1**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 3

TUYỂN GIÁO VIÊN THAY THẾ GIÁO VIÊN NGHỈ HƯU

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1476/KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Cấp học	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nguồn KP	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Mầm non	27	29	30	25	38	35	45	229	UBND huyện,	Sở GD&ĐT	NSNN	
2	CĐSP		1						1	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ	NSNN	
Tổng số		**27**	**30**	**30**	**25**	**38**	**35**	**45**	**230**				

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 4

Bồi dưỡng năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1476/KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Cấp học	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Lộ trình							Cộng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nguồn KP	Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025					
1	Mầm non	Ngoại ngữ A1	33	19	18	13	20	11	24	**138**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	
		Ngoại ngữ A2	89	70	87	16	21	17	19	**319**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	
		Tin học (cơ bản)	91	65	43	31	33	28	46	**337**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	
		Tin học (Nâng cao)	8	51	7	7	7	6	6	**92**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	
		Chứng chỉ bồi dưỡng hạng GV	387	246	204	99	72	47	45	**1100**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	
2	CĐSP	Tin học (cơ bản)	5	0	0	0	0	0	0	**5**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	

Ghi chú: - Kinh phí do cán bộ, giáo viên tự túc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 5

Bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục cho nhà giáo, CBQL mầm non

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1476/KH-UBND ngày 1 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Cấp học	Lộ trình							Tổng số	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí (đồng)	Nguồn KP	Ghi chú
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025						
1	Mầm non	69	41	21	24	23	19	21	218	Sở GD&ĐT	Học viện CBQL	545,000,000	NSNN	
2	CĐSP	1							1	Sở GD&ĐT	Học viện CBQL	2,500,000	NSNN	
Tổng cộng		**70**	**41**	**21**	**24**	**23**	**19**	**21**	**219**			**547,500,000**		

- Dự kiến học tại CĐSP Tây Ninh do Học viện QLGD TPHCM giảng dạy, học phí bình quân là 2.500.000 đồng/học viên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 6

Đào tạo trình độ sau đại học theo quy hoạch

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1426/KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Cấp học	Trình độ	Lộ trình							Tổng số	Đơn vị thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kinh phí (đồng)	Nguồn KP	Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025							
1	Mầm non	Thạc sỹ	3	6	4	3	4	3	3	26	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ	1,560,000,000	NSNN	
		Tiến sỹ								0	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ	0	NSNN	
2	CĐSP	Thạc sỹ	1							1	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ	60,000,000	NSNN	
		Tiến sỹ	1							1	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ	100,000,000	NSNN	
	Tổng số		**5**	**6**	**4**	**3**	**4**	**3**	**3**	**28**				**1,720,000,000**		

- Nguồn kinh phí hàng năm do Sở Nội vụ thực hiện
- Đối với cấp mầm non chỉ tính những trường hợp do PGDĐT quy hoạch
- Kinh phí theo QĐ 27 của UBND tỉnh, thạc sỹ 60 triệu/trường hợp, tiến sỹ 100 triệu/trường hợp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 7

Đào tạo năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1176 /KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Cấp học	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Lộ trình							Cộng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nguồn KP	Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025					
1	Mầm Non	Đại học	66	62	54	42	36	36	41	**337**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	Tự túc	
		Cao đẳng	54	54	49	17	16	20	20	**230**	Sở GD&ĐT	CĐSP TN	Tự túc	
2	CĐSP	Thạc sỹ	1	0	0	0	0	0	0	**1**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	NSNN	Thực hiện đào tạo theo quy hoạch tại Phụ lục 6
		Tiến sỹ	1	0	0	0	0	0	0	**1**	Sở GD&ĐT	ĐHSP TPHCM	NSNN	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 8

Bồi dưỡng cho giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục mầm non cốt cán

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1776/KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT		Lộ trình							Tổng số	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn KP	Ghi chú
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025					
1	Số lượng	92	77	80	77	76	78	76	556	Bộ GD&ĐT	Học viện CBQL	NSNN	
	Số lớp	1	1	1	1	1	1	1	7				